

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 430/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1987; thường trú: Số 90/13 đường Đ V M, khu phố Đ Ch, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thái L, sinh năm 1986; thường trú: Số 90/13 đường Đ V M, khu phố Đ Ch, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thái Luân sau thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B H, huyện X L, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 129, quyển số 01/2007 cấp ngày 25/12/2007. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại số 90/13 đường Đ V M, khu phố Đ Ch, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 8 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và hiện tại

vợ chồng sống ly thân. Nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thái L.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 24/6/2009 và Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 09/01/2018. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị M yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và anh Nguyễn Thái L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T; không ai thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Thái L:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai ngày 28/7/2022, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/8/2022; tham gia phiên tòa vào các ngày 08/9/2022 và ngày 27/9/2022 nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị M và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị M và anh L do Tòa án tiến hành ngày 13/7/2022, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:* Chị M và anh L trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị M không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập 02 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 08/9/2022 và 27/9/2022 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2007, chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thái L tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B H, huyện X L, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 129, quyền số 01/2007 cấp ngày 25/12/2007 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Nguyên đơn xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện tại vợ chồng sống ly thân. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, làm cho không khí gia đình ngột ngạt nên tình cảm của nguyên đơn giành cho bị đơn cũng phai nhạt dần. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không có mặt. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị M và anh L. Do, đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 24/6/2009 và Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 09/01/2018, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tú và anh Nguyễn Thái L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T; không ai thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Xét thấy, cháu T đang chung sống với chị M, cháu T đang chung sống với anh L, để tránh xáo trộn của sống của các con chung cũng như theo nguyện vọng của cháu T là mong muốn được sống với anh L. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giao cháu Nguyễn Hoàng Anh T cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Hoàng Anh T cho anh Nguyễn Thái L trực tiếp nuôi dưỡng; không ai thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 và Điều 107 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố D A, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271, 273, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 107 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M đối với bị đơn anh Nguyễn Thái L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Thái L.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 129, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã B H, huyện X L, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/12/2007).

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 09/01/2018 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 24/6/2009 cho Nguyễn Thái L trực tiếp nuôi dưỡng; không ai thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Thái L và chị Nguyễn Thị M có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004039 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa